

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực giao thông
đường thủy nội địa, đường sắt**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày
17 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, đường sắt (Nghị định số
78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện
kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa,
được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm
2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về
điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; Nghị định số
139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và Nghị định
số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị
định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018
của Chính phủ).*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa như sau:

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

3. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại khoản 4 Điều 10 và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

4. Thay thế cụm từ “Cục Đường thủy nội địa Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam” tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

5. Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 và Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 55 như sau:

“1. Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực (đối với trường hợp phương tiện được thế chấp); giấy chứng nhận an

toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; các giấy tờ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là giấy tờ) thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực trong trường hợp phương tiện là tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải lưu lại bản sao giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.”

2. Bổ sung Điều 56a vào sau Điều 56 như sau:

“Điều 56a. Kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

1. Khi thông tin của các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định này đã được tích hợp, cập nhật trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, trong cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát thông qua thông tin trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu; việc kiểm tra thông tin của giấy tờ trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu có giá trị như kiểm tra bản chính giấy tờ đó.

2. Tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ

a) Khi tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ, người có thẩm quyền thực hiện việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ trên môi trường điện tử, cập nhật thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ giấy tờ đó trên hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính và đồng bộ với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý để người vi phạm, chủ phương tiện (đối với giấy tờ của chủ phương tiện) biết, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa, phục vụ các lực lượng chức năng có thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm;

b) Giấy tờ đã có thông tin bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an, Bộ Xây dựng quản lý thì người có thẩm quyền ra quyết định, lập biên bản trả lại giấy tờ cho người bị xử phạt theo quy định; hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính thực hiện đồng bộ thông tin với Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công

an, Bộ Xây dựng quản lý để gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng giấy tờ đó;

c) Người có thẩm quyền xử phạt tra cứu biên lai điện tử thu tiền xử phạt vi phạm hành chính được hệ thống cổng dịch vụ công gửi về để in, lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và làm căn cứ trả lại giấy tờ bị tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, gỡ bỏ nội dung thông tin về việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng trên Ứng dụng định danh quốc gia, cơ sở dữ liệu do Bộ Công an quản lý theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Các loại biên bản, quyết định của người có thẩm quyền trong việc tạm giữ hoặc tước quyền sử dụng, trả lại giấy tờ được thực hiện theo biểu mẫu quy định của pháp luật và có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử trên Ứng dụng định danh quốc gia, ứng dụng, hệ thống thông tin điện tử khác khi đủ điều kiện kỹ thuật thực hiện.”.

3. Bãi bỏ cụm từ "khoản 1" tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 16; bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 21.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ như sau:

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại điểm b khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 17; khoản 3 Điều 29; khoản 2, khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 33; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 46; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 47; Điều 48; Điều 50; khoản 1, khoản 4 Điều 52 Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt

2. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt, được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 91/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt và Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2018/NĐ - CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

3. Thay thế Mẫu số 02 và Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đường sắt bằng Mẫu số 02 và Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Điều khoản chuyển tiếp

Các công việc, hồ sơ thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị đang giải quyết cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nếu đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà vẫn chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng sau đó phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết thì cơ quan, tổ chức kế thừa nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức tiếp nhận, giải quyết công việc, hồ sơ thủ tục hành chính đó tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định này, bảo đảm không làm gián đoạn công việc, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

-.....

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC I
MẪU CÁC VĂN BẢN SỬ DỤNG
TRONG HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm
2025 của Chính phủ)*

1. Mẫu số 01: TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
2. Mẫu số 02: BIÊN BẢN KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
3. Mẫu số 03: TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY
NỘI ĐỊA**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

a) Người đại diện pháp luật:

- Họ và tên:.....;

- Ngày, tháng, năm sinh:.....

- Căn cước công dân/ Thẻ Căn cước/:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số..... ngày...../...../..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo (*Đề nghị nêu rõ: Tên cơ sở; tên giao dịch quốc tế (nếu có); địa chỉ; điện thoại; fax; email*).

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Phòng học chuyên môn

Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m²) đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học.

2. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có.

3. Nội dung, chương trình đào tạo.

4. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:.....

- Số lượng giáo viên dạy tích hợp:.....

5. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo		Hình thức tuyển dụng		Loại, hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh	Ghi chú
			Chuyên môn	Sự phạm	Cơ hữu	Thỉnh giảng		
1								
2								
3								
...								

6. Đánh giá chung, đề nghị:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
 DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Căn cứ Nghị định số/20...../NĐ-CP ngày/...../20..... của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Xét đề nghị của tại văn bản số ngày về việc

Hôm nay, ngày tháng năm tại

Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:

.....

Đại diện cơ sở đào tạo:

.....

Đã tiến hành kiểm tra Điều kiện của cơ sở đào tạo Kết quả kiểm tra như sau:

I. VỀ TỔ CHỨC

Tên cơ sở đào tạo:

Quyết định thành lập:

Cơ quan chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

II. ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Phòng học chuyên môn

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)
- Phòng học Điều khiển phương tiện thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)
- Phòng học lý thuyết máy - điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)
- Phòng học thủy nghiệp cơ bản (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

2. Phòng thi, kiểm tra (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

3. Xưởng thực hành máy- điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

4. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy
- Cầu tàu, báo hiệu giới hạn vùng nước, cọc bích và đệm chống va
- Phương tiện thực hành, Giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa...

5. Nội dung, chương trình đào tạo (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

6. Đội ngũ giáo viên (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Đối với giáo viên dạy lý thuyết
- Đối với giáo viên dạy thực hành.

- Đối với giáo viên dạy tích hợp.

Với kết quả kiểm tra như trên, Đoàn kiểm tra đề nghị (Cơ quan có thẩm quyền cấp) xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo loại đối với cơ sở đào tạo.

(Trường hợp chưa đủ Điều kiện xem xét, cấp Giấy chứng nhận, Đoàn kiểm tra nêu rõ lý do, biện pháp khắc phục, hướng giải quyết...).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CẤP**

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH
DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN
THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG**

Kính gửi: ~~Cục Đường thủy nội địa Việt Nam Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc
Sở Giao thông vận tải...~~ (cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số ngày do (Cơ quan có thẩm quyền cấp).

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng).....

.....

..... (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

PHỤ LỤC II
CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐƯỜNG SẮT
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm
2025 của Chính phủ)

1. Mẫu số 02: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT
2. Mẫu số 05: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT

Kính gửi: (Tên cơ quan đầu mối cấp Giấy phép)
 Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm:.....
 Địa chỉ:
 Điện thoại Fax Email:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Do (tên cơ quan cấp)
 cấp ngày ... tháng ... năm
 Họ tên người đại diện pháp luật
 Chức danh
 Căn cước công dân/ Thẻ Căn cước/ Hộ chiếu số:
 Đơn vị cấp: ngày cấp
 Đề nghị quý cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm là các
 chất nguy hiểm sau:

STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến
1						
2						
...						

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm bao gồm:

1.
2.

.....(tên tổ chức, cá nhân)cam kết bảo đảm an toàn
 khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận
 tải hàng nguy hiểm.

..., ngàytháng.... năm.....

Đại diện tổ chức, cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM BẰNG ĐƯỜNG SẮT

Kính gửi:(Tên cơ quan đầu mối cấp Giấy phép)

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm:

Địa chỉ:

Điện thoại Fax Email:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sốngày tháng ... năm....
 tại

Họ tên người đại diện pháp luật Chức danh

Căn cước công dân/ Thẻ Căn cước/ Hộ chiếu số:

Đơn vị cấp: ngày cấp

Để vận tải hàng nguy hiểm, tổ chức/cá nhân (ghi tên tổ chức, cá nhân) đã được (Ghi tên cơ quan đầu mối đã cấp Giấy phép) cấp Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm sốngày ... tháng.... năm....
 Hàng nguy hiểm đã được cấp Giấy phép vận tải, cụ thể:

STT	Tên hàng nguy hiểm	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận tải (dự kiến)	Ga đi - Ga đến
1						
2						
...						

Do (ghi rõ lý do, ví dụ như: sơ suất đánh mất/bị thất lạc/bị hư hỏng...) Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm (bản gốc) đã được quý cơ quan cấp nêu trên, (tên tổ chức, cá nhân)... đề nghị quý cơ quan xem xét cấp lại Giấy phép vận tải hàng nguy hiểm nêu trên.

Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải bao gồm:

1

2

Tổ chức, cá nhân cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận tải hàng nguy hiểm, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./.

....., ngày tháng.... năm 20.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký tên, đóng dấu)